

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp 4 CT, xã BT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: 1/ **Lê Thị P1**, sinh năm 1972.

2/ **Lê Văn C**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp 4 CT, xã BT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả đều C mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Thị P trình bày:

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2019 (Âm lịch), vợ chồng ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 C vay của bà Huỳnh Thị P số tiền vốn là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả tiền vay là đầu năm 2022. Việc vay tiền của hai bên C lập thành văn bản và bên vợ chồng ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 C ký tên vào giấy vay tiền ngày 25/7/2019. Sau khi ký hợp đồng vay tiền xong, bên bà P đã đưa cho bên ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 số tiền đã vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông C, bà P1 đã đóng tiền lãi hàng tháng cho bà P, với thời gian đóng lãi từ ngày 25/7/2019 đến ngày 15/8/2022. Tuy nhiên, bà P không biết đã nhận tổng số tiền lãi là bao nhiêu. Ngày 25/6/2022, ông C và bà P1 C trả cho bà P số tiền vốn là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó, bên ông C, bà P1 ngưng không đóng lãi nữa, cũng không trả tiền vốn. Bà Huỳnh Thị P đã nhiều lần gặp bên ông C, bà P1 để đòi tiền vốn và tiền lãi nhưng bên ông C, bà P1 hèn mà không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị P C yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, bà P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 phải liên đới hoàn trả cho bà P số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi số tiền trên.

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P là giấy vay tiền ngày 25/07/2019, BL số 04).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023, những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 trình bày:

Ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 là vợ chồng, đồng thời thừa nhận C thiếu nợ bên bà Huỳnh Thị P số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên ông C, bà P1 không C tiền trả cho bên bà P, tuy nhiên đã đóng tiền lãi trên 02 năm, số tiền lãi đóng bao nhiêu không nhớ nhưng không yêu cầu tính lãi lại.

Ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 yêu cầu Tòa án xét xử cho ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 trả dần số nợ nêu trên, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố

tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị P.

Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 phải liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền vốn vay còn thiếu là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ C trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị P về việc yêu cầu bị đơn Lê Văn C, Lê Thị P1 hoàn trả số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo đơn xác nhận ngày 08/9/2022 của Công an xã BT, huyện BD, tỉnh Bến Tre, bị đơn Lê Văn C, Lê Thị P1 cư trú tại: Ấp 4 CT, xã BT, huyện BD, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 25 tháng 7 năm 2019 (Âm lịch), giữa bà Huỳnh Thị P với ông Lê Văn C ký “Giấy vay tiền” về việc ông Lê Văn C vay của bà P số tiền vốn là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%, thời hạn trả nợ vào đầu năm 2022, do đó, đây là hợp đồng vay C thời hạn và C lãi. Ngày 25/6/2022, ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 đã trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), như vậy số tiền nợ gốc còn lại là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lê Văn C, Lê Thị P1 thừa nhận còn nợ bên nguyên đơn Huỳnh Thị P số tiền vay là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Văn C, Lê Thị P1 đã nhận số tiền vay của nguyên đơn Huỳnh Thị P, tuy nhiên, đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện trả tiền vốn và lãi cho bên nguyên đơn là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân

sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 phải C nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền vốn vay 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) là C cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

[4] Số tiền nợ 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay nợ nhằm phát triển kinh tế gia đình, đồng thời tại phiên tòa ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 cũng đồng ý liên đới hoàn trả nợ cho bên bà P là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Trong quá trình tố tụng, ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 C khai đã đóng lãi cho bên nguyên đơn Huỳnh Thị P trên 02 năm, tuy nhiên, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi là bao nhiêu tiền, đồng thời, bên bị đơn cũng không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn và yêu cầu trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[7] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là C cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P được chấp nhận, do đó ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 phải C nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm. Ông Lê Văn C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định. Bà Lê Thị P1 phải chịu số tiền án phí là: $(75.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 1.875.000 \text{ đồng}$ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với ông Lê Văn C, bà Lê Thị P1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị P1 phải liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền vốn vay còn thiếu là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án (quyết định) C hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án C quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày C đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm C giá ngạch:

Ông Lê Văn C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. bà Lê Thị P1 phải chịu 1.875.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự bà Huỳnh Thị P, bà Lê Thị Kim P1 và ông Lê Văn C C mặt tại phiên toà C quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi